

Số 94 /2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2007

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội”.

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26.11.2003;

Căn cứ Quyết định số 50/2006/QĐ-UBND ngày 18.4.2006 của UBND Thành phố về việc thành lập “Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội”;

Căn cứ Quyết định số 47/2007/QĐ-UBND ngày 25.4.2007 của UBND Thành phố về việc ban hành “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội”;

Theo đề nghị của liên sở: Kế hoạch và Đầu tư – Tài chính – Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tại Tờ trình số 2346/TT-LN-KHĐT-TC-TNMTND ngày 05.6.2007 về việc Ban hành “Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội” và Báo cáo thẩm định “Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội” của Sở Tư pháp số 338/STP-VBPQ ngày 10.4.2007.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các Quy định trước đây của UBND Thành phố trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội, Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Hà Nội, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

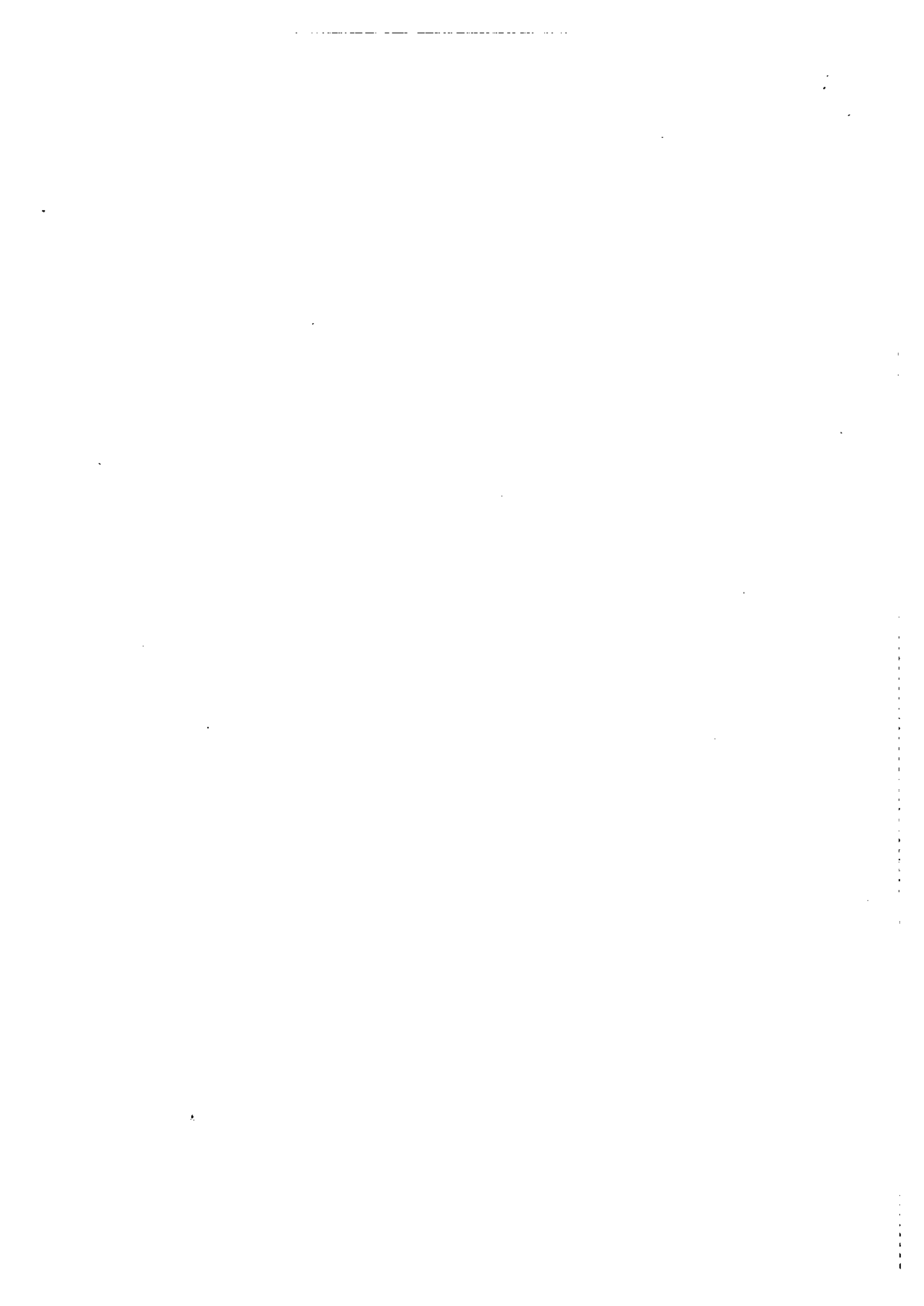
**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Đ/c Bí thư Thành ủy; (đề
- TT T/ủy, TT HĐND TP; báo
- Đ/c Chủ tịch UBND TP; cáo)
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Kho bạc Nhà nước Hà Nội;
- Cục Thuế Hà Nội;
- VPUB: các PVP, NN, KT, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Mạnh Hiền



## **QUY CHẾ**

### **Quản lý tài chính của Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 94 /2007/QĐ-UBND ngày 24 / 8 /2007  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

## **CHƯƠNG I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG.**

#### **Điều 1. Phạm vi áp dụng.**

Quy chế này áp dụng cho Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội (gọi tắt là Quỹ).

#### **Điều 2. Mục đích và hình thức tổ chức.**

Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất Hà Nội, chịu sự quản lý tài chính của Sở Tài chính Hà Nội. Quỹ được thành lập để huy động, tiếp nhận các nguồn vốn theo qui định để hỗ trợ tài chính cho các dự án, chương trình và các hoạt động phòng chống, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quỹ là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có các quyền theo pháp luật và chịu trách nhiệm về toàn bộ số vốn do Quỹ quản lý, sử dụng.

Quỹ được mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại để phục vụ việc giao dịch, thanh toán.

#### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động.**

Hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và bù đắp chi phí quản lý.

## **CHƯƠNG II**

### **NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG.**

#### **Điều 4. Vốn hoạt động.**

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm có vốn điều lệ và các nguồn vốn khác:

##### **4.1 Vốn điều lệ:**

4.1.1 Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách Thành phố cấp lần đầu khi thành lập là 20 tỷ đồng (hai mươi tỷ đồng) Việt Nam.

4.1.2 Tiếp nhận vốn điều lệ hiện có của Dự án Quốc gia VIE/97/007 số tiền 100.000 USD (một trăm ngàn Đô-la Mỹ) chuyển vào tài khoản của Quỹ theo tỷ giá tiền Việt Nam ngày 02/11/2000 là 1.413.200.000 đồng.

Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do UBND thành phố Hà Nội quyết định.

#### 4.2 Các nguồn vốn khác:

4.2.1 Nguồn Ngân sách Thành phố dành cho sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm cấp cho Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội.

4.2.2 Tiền đền bù thiệt hại về môi trường của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách theo quy định của pháp luật.

4.2.3 Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực môi trường, được chuyển vào tài khoản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

4.2.4 Trích tiền thu phí bảo vệ môi trường hàng năm. Việc thu nộp và trích nguồn kinh phí này cho Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội được thực hiện theo quy định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về phí và lệ phí.

4.2.5 Tiền đóng góp tự nguyện, viện trợ và tài trợ cho Quỹ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4.2.6 Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4.2.7 Các khoản thu khác liên quan đến môi trường theo quy định pháp luật.

#### **Điều 5. Nguyên tắc sử dụng vốn.**

Việc sử dụng các nguồn vốn của Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và phát triển vốn.
- Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng có hiệu quả kinh tế, môi trường.
- Thu hồi kịp thời vốn gốc và lãi để đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí.
- Đáp ứng yêu cầu thanh toán thường xuyên của Quỹ.

### **CHƯƠNG III NỘI DUNG SỬ DỤNG VỐN.**

#### **Điều 6. Cho vay với lãi suất ưu đãi.**

6.1 Đối tượng được vay vốn là các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, hoạt động nhằm mục đích cải thiện, bảo vệ môi trường trên địa bàn Hà Nội.

6.2 Quỹ bảo vệ môi trường cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

6.3 Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ,

gia hạn vay, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### 6.4 Mức vốn cho vay và thẩm quyền quyết định cho vay.

6.4.1 Mức vốn vay của một dự án không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

6.4.2 Lãi suất cho vay vốn không được thấp hơn 1/3 lãi suất của các tổ chức tín dụng tại thời điểm vay.

6.4.3 Trường hợp đối tượng vay vốn vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng vay vốn, trả nợ không đúng hạn, đối tượng vay vốn phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong Hợp đồng tín dụng.

6.4.4 Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức vốn cho vay trong từng thời kỳ đối với từng nhóm đối tượng vay và Giám đốc Quỹ quyết định. Với mức vay từ 1 (một) tỷ đồng trở lên Giám đốc báo cáo Hội đồng quản lý quyết định.

6.4.5 Thời hạn vay vốn được xác định phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng đối tượng vay vốn và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa không quá 3 năm kể cả năm ân hạn.

#### 6.5 Bảo đảm tiền vay.

6.5.1 Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba hoặc dùng tài sản là các giấy tờ có giá như Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Thành phố, trái phiếu của các Ngân hàng thương mại Nhà nước, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ... để đảm bảo tiền vay. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về đảm bảo tiền vay.

6.5.2 Trường hợp đặc biệt, việc cho vay không có đảm bảo bằng tài sản đối với từng chương trình, dự án do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định.

#### 6.6 Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay.

6.6.1 Quỹ được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay các dự án bảo vệ môi trường.

6.6.2 Mức trích lập Quỹ dự phòng rủi ro hàng năm tối thiểu bằng 0,25% tính trên dư nợ cho vay hàng năm của Quỹ. Việc trích lập thực hiện mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính.

6.6.3 Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp các khoản rủi ro của các dự án phát sinh do nguyên nhân bất khả kháng như: tổn thất do thiên tai, hoả hoạn sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm trừ tổn thất.

6.6.4 Cuối năm, nếu không sử dụng hết Quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang Quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng

rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

## 7 Thẩm quyền xử lý rủi ro.

7.1 Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay và khoan nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Thời gian gia hạn nợ tối đa bằng một phần ba thời hạn vay vốn ghi trong Hợp đồng tín dụng.

7.2 UBND Thành phố quyết định xoá nợ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

## 8. Ủy thác cho vay.

Trong giai đoạn đầu Quỹ chưa thực hiện trực tiếp cho vay có thể ủy thác nguồn vốn cho vay cho Ngân hàng thương mại. Hội đồng quản lý quỹ quyết định việc lựa chọn Ngân hàng ủy thác và ký kết Hợp đồng ủy thác. Ngân hàng được ủy thác khi cho vay phải thực hiện đúng quy định tại Hợp đồng ủy thác.

## Điều 7. Hỗ trợ lãi suất vay vốn.

7.1 Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn là các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư về lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đã vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác.

### 7.2 Nguyên tắc xác định và cấp hỗ trợ lãi suất:

7.2.1 Nhà đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất đối với số vốn vay đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án vào lĩnh vực môi trường. Không hỗ trợ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn của dự án.

7.2.2 Chỉ hỗ trợ lãi suất khi dự án đầu tư vào lĩnh vực môi trường đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

### 7.3 Mức hỗ trợ lãi suất:

7.3.1 Mức hỗ trợ lãi suất do Hội đồng quản lý Quỹ quy định, nhưng không quá mức lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký Hợp đồng hỗ trợ lãi suất.

### 7.3.2 Công thức xác định mức hỗ trợ lãi suất như sau:

Tổng giá trị hỗ trợ lãi suất	=	Số nợ gốc được hỗ trợ lãi suất	x	Tỷ lệ (%) mức hỗ trợ lãi suất được HĐQT Quỹ phê duyệt	x	Thời hạn thực vay tính theo năm đối với số nợ gốc được hỗ trợ lãi suất
------------------------------	---	--------------------------------	---	---	---	--

### 7.4 Lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất.

7.4.1 Hàng năm căn cứ vào kế hoạch bổ sung vốn Ngân sách nhà nước chi cho

Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định kế hoạch hỗ trợ cho các đối tượng.

7.4.2 Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất vay không vượt quá 20% vốn bổ sung hàng năm của Quỹ (không kể vốn điều lệ).

## **Điều 8. Tài trợ và đồng tài trợ.**

8.1 Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội tài trợ cho các tổ chức, cá nhân có các dự án về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Cụ thể:

8.1.1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức môi trường, phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

8.1.2. Huy động sự tham gia của cộng đồng vào sự nghiệp bảo vệ môi trường, khen thưởng các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhiều đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

8.1.3. Xây dựng, thử nghiệm, phổ biến, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường.

8.1.4. Thiết kế các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về bảo vệ môi trường.

8.1.5. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường, sản xuất sạch hơn, các giải pháp phòng tránh, hạn chế và khắc phục sự cố môi trường.

8.2 Mức vốn tài trợ và thẩm quyền quyết định tài trợ.

8.2.1 Mức tài trợ không hoàn lại không vượt quá 50% chi phí đầu tư cho các nội dung bảo vệ môi trường của đối tượng được tài trợ.

8.2.2 Giám đốc Quỹ đề nghị mức tài trợ đối với từng chương trình, dự án đầu tư về môi trường trình Hội đồng quản lý quyết định.

8.3 Quỹ chỉ được sử dụng tối đa 50% vốn bổ sung hàng năm để thực hiện phương thức tài trợ và đồng tài trợ.

## **Điều 9. Ủy thác và nhận ủy thác.**

9.1. Nhận ủy thác:

9.1.1 Quỹ được nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

9.1.2 Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay và thu hồi nợ theo Hợp đồng ủy thác.

9.2. Ủy thác:

9.2.1 Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực

hiện cho vay và thu hồi nợ theo Hợp đồng uỷ thác.

9.2.2 Các tổ chức nhận uỷ thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí dịch vụ nhận uỷ thác do các bên thoả thuận và ghi trong Hợp đồng uỷ thác.

#### **Điều 10. Cấp phát, quản lý vốn.**

10.1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trình UBND Thành phố xem xét quyết định cấp vốn điều lệ vào tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cho Quỹ.

10.2. Định kỳ hàng quý, Sở Tài chính có trách nhiệm trích theo tỷ lệ (%) theo qui định từ ngân sách Thành phố, chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng thương mại các khoản tiền đền bù thiệt hại môi trường, tiền phí bảo vệ môi trường, tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách Thành phố (phần Ngân sách địa phương hưởng).

10.3. Hàng năm, trích kinh phí Ngân sách Thành phố chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp cho Quỹ bảo vệ môi trường chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng thương mại.

10.4. Thời gian đầu, Quỹ chưa trực tiếp cho vay, có thể uỷ thác nguồn vốn cho vay cho Ngân hàng thương mại, nơi Quỹ mở tài khoản giao dịch. Ngân hàng được uỷ thác khi cho vay phải thực hiện đúng quy định tại Hợp đồng uỷ thác.

### **CHƯƠNG IV**

#### **CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI CHO BỘ MÁY QUẢN LÝ QUỸ.**

##### **Điều 11. Nguồn tài chính của Quỹ.**

11.1. Kinh phí do ngân sách Thành phố cấp, gồm:

Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ đối với đơn vị bảo đảm một phần chi phí hoạt động (sau khi đã cân đối nguồn thu từ hoạt động của Quỹ).

Kinh phí mua sắm, nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, thuê, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và các khoản chi khác trong phạm vi dự toán được UBND Thành phố giao.

11.2. Nguồn thu Quỹ từ hoạt động nghiệp vụ, dịch vụ khác của Quỹ, gồm:

11.2.1 Tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay của Quỹ.

11.2.2 Tiền lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

11.2.3 Tiền thu phí dịch vụ nhận uỷ thác theo Hợp đồng uỷ thác.

11.2.4 Thu lãi từ hoạt động mua, bán Trái phiếu.



11.2.5 Thu từ hoạt động cho thuê tài sản.

11.2.6 Thu nợ đã xoá nay thu hồi được.

11.2.7 Các khoản thu khác phát sinh trong quá trình hoạt động.

## **Điều 12. Chi hoạt động bộ máy quản lý Quỹ.**

12.1. Các khoản chi cho bộ máy quản lý Quỹ:

12.1.1 Chi tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn) và các khoản phải nộp theo lương khác cho số lao động thuộc biên chế và hợp đồng của Quỹ.

12.1.2 Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý và các chức danh kiêm nhiệm khác;

12.1.3 Chi thanh toán các dịch vụ công cộng (điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh môi trường...).

12.1.4 Chi mua vật tư, văn phòng phẩm.

12.1.5 Chi mua trang phục giao dịch, chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định

12.1.6 Chi ăn ca, mức chi cho mỗi người một tháng không vượt quá mức lương tối thiểu nhà nước quy định cho công nhân viên chức.

12.1.7 Chi thông tin tuyên truyền, quảng cáo, hợp báo, chi phí giao dịch, cước phí bưu chính, đối ngoại trong phạm vi kế hoạch tài chính được duyệt.

12.1.8 Chi hội nghị, hội thảo, công tác phí.

12.1.9 Chi xăng dầu vận chuyển phục vụ cán bộ công chức, viên chức đi công tác theo chế độ do Nhà nước quy định.

12.1.10 Chi thuê mướn (phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thuê lao động, chuyên gia trong và ngoài nước).

12.1.11 Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ.

12.1.12 Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và các công trình hạ tầng.

12.1.13 Chi cho việc thanh tra, kiểm tra theo quy định.

12.1.14 Các khoản chi khác.

12.2. Các khoản chi hoạt động nghiệp vụ:

12.2.1 Chi phí huy động vốn.

12.2.2 Chi phí dịch vụ thanh toán.

12.2.3 Chi phí dịch vụ uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác.

12.2.4 Chi cho các hoạt động về thẩm định đầu tư, cho vay, tài trợ, thanh tra, kiểm tra, thu hồi nợ đối với các dự án đầu tư, chương trình có sử dụng vốn Quỹ.

12.2.5 Chi cho hoạt động mua bán Trái phiếu.

12.2.6 Chi cho hoạt động cho thuê tài sản.

12.2.7 Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xoá.

12.2.8 Chi phí thu các khoản phạt theo quy định.

12.2.9 Các chi phí nghiệp vụ khác.

### **Điều 13. Phân phối thu nhập và trích lập các quỹ.**

Chênh lệch thu chi tài chính hàng năm của Quỹ được phân phối như sau:

13.1 Trích 10% bổ sung vốn điều lệ.

13.2 Trích 20% bổ sung Quỹ dự phòng rủi ro.

13.3 Trích 20% cho Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

13.4 Trích 10% cho Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

13.5 Trích 40% cho công tác quản lý điều hành hoạt động của Văn phòng điều hành nghiệp vụ. Khoản kinh phí này được sử dụng như sau:

13.5.1 Chi hỗ trợ về văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn xây dựng dự án, xét duyệt thẩm định dự án, thông tin báo cáo và quản lý dự án.

13.5.2 Chi hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết công tác cho vay đầu tư bảo vệ môi trường. Mức chi thực hiện theo chế độ của nhà nước đối với hội nghị.

13.5.3 Chi công tác tuyên truyền hướng dẫn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

13.5.4 Chi công tác phí cho cán bộ trực tiếp thẩm định, kiểm tra, theo dõi, quản lý dự án. Mức chi theo chế độ.

13.5.5 Chi phụ cấp cho cán bộ được phân công quản lý điều hành nguồn vốn uỷ thác của ngân hàng. Căn cứ vào nguồn thu thực tế, Văn phòng điều hành Quỹ quy định cụ thể mức chi phụ cấp cho phù hợp.

13.5.6 Chi lương cho cán bộ hợp đồng trực tiếp làm nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra, theo dõi, quản lý dự án như theo mức lương ghi trong hợp đồng phù hợp với quy định của nhà nước.

13.5.7 Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, dụng cụ văn phòng phục vụ công tác

cho vay, hỗ trợ vốn của Quỹ (bàn, ghế, tủ, máy vi tính, máy photocopy ... ) để phục vụ công tác thẩm định, cho vay.

13.5.8 Chi cho công tác khảo sát địa bàn, kiểm tra, thanh tra việc sử dụng vốn vay, hỗ trợ và đánh giá chương trình, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện chính sách, soạn thảo, ban hành văn bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Quỹ.

#### **Điều 14. Quản lý thu, chi tài chính của Quỹ.**

14.1 Quỹ có các quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo qui định của Chính phủ và của Bộ Tài chính.

14.2. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng Qui chế chi tiêu nội bộ Quỹ, báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, quyết định ban hành để làm căn cứ điều hành hoạt động của Quỹ.

14.3. Các khoản thu, chi của Quỹ được hạch toán theo danh mục các khoản thu, chi nêu trên trên cơ sở các chứng từ hợp lý, hợp lệ.

14.4. Quỹ có trách nhiệm thực hiện thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu phát sinh trong quá trình hoạt động vào tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc để quản lý theo quy định.

14.5. Các nguồn tài chính, thu nhập và chi phí hoạt động được thực hiện thông qua tài khoản giao dịch của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại.

### **CHƯƠNG V CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, BÁO CÁO.**

#### **Điều 15. Chế độ kế toán.**

Bộ phận kế toán Quỹ phải mở sổ kế toán ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi của Quỹ; bảo đảm mọi khoản thu, chi của Quỹ theo dự toán được duyệt, có chứng từ hợp pháp, hợp lệ; cuối năm tổ chức lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 16. Chế độ báo cáo.**

16.1 Báo cáo kế toán, tài chính của Quỹ được lập theo quy định của pháp luật. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo.

16.2 Quỹ thực hiện công bố, công khai kết quả hoạt động, tài sản, vốn, công nợ của Quỹ hàng năm theo qui định của Nhà nước.

16.3 Định kỳ hàng năm, Quỹ phải lập báo cáo về tình hình hoạt động, tình hình tài chính gửi UBND thành phố Hà Nội, đồng gửi Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tài liệu sau đây:

16.3.1 Báo cáo quý: gồm báo cáo nguồn vốn và sử dụng vốn; báo cáo thu nhập và chi phí. Các báo cáo được lập trước ngày 25 của tháng đầu quý sau.

16.3.2 Báo cáo năm, Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán, Báo cáo sử dụng vốn.

Các báo cáo trên được lập trước 30/3 năm sau.

16.4 Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính theo quy định của pháp luật.

### **Điều 17. Lập kế hoạch tài chính.**

Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt, bao gồm:

17.1. Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn.

17.2. Kế hoạch thu chi tài chính.

Quỹ có trách nhiệm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc, Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà Nội kế hoạch tài chính đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt.

## **CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

### **Điều 18. Điều khoản thi hành.**

18.1. Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng có hiệu quả, bảo đảm an toàn và phát triển vốn của Nhà nước, vốn huy động của các tổ chức cá nhân khác trong quá trình hoạt động theo mục tiêu hoạt động của Quỹ.

18.2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Mạnh Hiến**